

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 10/2018, NGÀY THI 04/8/2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/QĐ-TTCNTT-TT ngày 08 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/THẺ CCCD
						LT	TH			
1	cb18k10_001	Trần Chính	Anh	04/08/1986	Quảng Bình	5,4	9,0	Đậu	744519	194289782
2	cb18k10_002	Trần Trung	Anh	02/02/1992	Quảng Bình	5,4	8,5	Đậu	744520	194452820
3	cb18k10_003	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/07/1985	Quảng Bình	7,1	8,0	Đậu	744521	044185001424
4	cb18k10_004	Phạm Văn	Cương	02/10/1979	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744522	194080904
5	cb18k10_005	Trần Thanh	Cương	20/05/1982	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu	744523	194184047
6	cb18k10_006	Dương Ngọc	Châm	20/06/1989	Quảng Bình	7,5	10	Đậu	744524	044089000965
7	cb18k10_007	Nguyễn Thành	Chung	24/03/1984	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744525	194080904
8	cb18k10_008	Nguyễn Minh	Đạt	14/05/1981	Quảng Bình	9,2	8,0	Đậu	744526	044084000092
9	cb18k10_009	Hoàng Văn	Đồng	20/08/1971	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744527	191256304
10	cb18k10_010	Phạm Thế	Đồng	11/10/1993	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu	744528	194529515
11	cb18k10_011	Mai Trung	Đức	15/08/1989	Quảng Bình	7,9	8,5	Đậu	744529	194341789
12	cb18k10_012	Trần Anh	Đức	30/05/1985	Quảng Bình	8,8	9,0	Đậu	744530	194259995
13	cb18k10_013	Phạm Công	Giáp	15/11/1971	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744531	194007816
14	cb18k10_014	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/10/1988	Quảng Bình	6,3	8,0	Đậu	744532	194350591
15	cb18k10_015	Nhâm Thị	Hà	05/02/1993	Quảng Bình	5,4	8,5	Đậu	744533	194418748
16	cb18k10_016	Trần Thị	Hà	18/10/1979	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744534	194096090
17	cb18k10_017	Ngô Quang	Hải	20/11/1989	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744535	194391019
18	cb18k10_018	Trần Thanh	Hải	17/05/1984	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744536	044084000134
19	cb18k10_019	Lê Thị	Hằng	19/09/1985	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744537	194193088
20	cb18k10_021	Mai Xuân	Hiếu	09/08/1990	Quảng Bình	5,0	8,0	Đậu	744538	194449331
21	cb18k10_022	Nguyễn Thị	Hoàn	15/05/1966	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744539	190929413
22	cb18k10_023	Nguyễn Thị	Hoàn	16/07/1991	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744540	194488311
23	cb18k10_024	Trần Huy	Hoàng	28/02/1996	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu	744541	194610756
24	cb18k10_025	Trần Trung	Hoàng	10/10/1992	Quảng Bình	6,7	9,0	Đậu	744542	194435396

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/THẺ CCCD
						LT	TH			
25	cb18k10_026	Đàm Việt	Hùng	20/06/1990	Quảng Bình	6,3	8,0	Đậu	744543	194455554
26	cb18k10_027	Trần Thanh	Hung	26/08/1978	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu	744544	044078001118
27	cb18k10_028	Phạm Thị	Hương	10/11/1991	Quảng Bình	5,4	8,5	Đậu	744545	194407857
28	cb18k10_029	Nguyễn Hoàng	Lan	10/09/1990	Quảng Bình	6,7	8,0	Đậu	744546	194416218
29	cb18k10_030	Nguyễn Thị	Len	20/09/1991	Quảng Bình	5,4	8,0	Đậu	744547	194381951
30	cb18k10_031	Nguyễn Thành	Linh	06/02/1989	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu	744548	194350207
31	cb18k10_032	Đoàn Tiến	Long	03/05/1970	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744549	191228548
32	cb18k10_033	Trần Thị	Luân	20/09/1992	Quảng Bình	5,4	9,0	Đậu	744550	194449054
33	cb18k10_034	Hoàng Thị Thanh	Lương	09/12/1976	Quảng Bình	5,4	8,0	Đậu	744551	194059241
34	cb18k10_035	Hoàng Thị Phương	Lý	25/10/1970	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744552	191183203
35	cb18k10_036	Nguyễn Thị Minh	Mẫn	20/01/1988	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	744553	194293600
36	cb18k10_037	Phan Trung	Nam	05/10/1976	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744554	194025779
37	cb18k10_038	Nguyễn Trần Tiên	Nữ	25/10/1988	Quảng Bình	7,9	8,5	Đậu	744555	194361908
38	cb18k10_039	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/05/1980	Quảng Bình	5,0	8,0	Đậu	744556	044080001067
39	cb18k10_040	Hoàng Minh	Ngọc	10/10/1967	Quảng Bình	5,0	8,5	Đậu	744557	194109338
40	cb18k10_041	Trần Bảo	Ngọc	06/11/1992	Quảng Bình	6,3	8,5	Đậu	744558	194571005
41	cb18k10_042	Dương Thị	Nhung	03/04/1973	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744559	191228287
42	cb18k10_043	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	07/07/1991	Quảng Bình	7,1	9,0	Đậu	744560	194480448
43	cb18k10_044	Phan Tiến	Phi	19/05/1994	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	744561	044094001667
44	cb18k10_045	Đình Xuân	Phong	10/06/1969	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744562	194274171
45	cb18k10_047	Đậu Thị	Phượng	10/06/1981	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744563	044181001619
46	cb18k10_048	Đình Bình	Quân	13/02/1976	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744564	194554402
47	cb18k10_049	Nguyễn Bảo	Quốc	12/08/1989	Quảng Bình	7,1	8,0	Đậu	744565	194381189
48	cb18k10_050	Phạm Thị Như	Quỳnh	13/09/1996	Quảng Bình	7,1	8,0	Đậu	744566	194610429
49	cb18k10_051	Nguyễn Viết	Sang	22/08/1984	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744567	194210595
50	cb18k10_052	Lê Thị Hồng	Sáu	15/11/1991	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744568	19439852
51	cb18k10_053	Phạm Thị Mai	Sinh	24/08/1988	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu	744569	194328628
52	cb18k10_054	Phan Văn	Sơn	08/10/1980	Quảng Bình	6,3	8,5	Đậu	744570	194128868
53	cb18k10_055	Đặng Ngọc	Sỹ	24/08/1978	Quảng Bình	5,4	8,0	Đậu	744571	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/THẺ CCCD
						LT	TH			
54	cb18k10_056	Hoàng Anh	Tuấn	26/11/1990	Quảng Bình	5,4	8,0	Đậu	744572	194488174
55	cb18k10_057	Nguyễn Anh	Tuấn	10/09/1992	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744573	194435571
56	cb18k10_058	Phan Mạnh	Tuấn	01/12/1987	Quảng Bình	7,1	9,0	Đậu	744574	194270687
57	cb18k10_059	Vũ Thị Ánh	Tuyết	06/08/1975	Quảng Bình	5,4	8,5	Đậu	744575	194123578
58	cb18k10_060	Nguyễn Quang	Tường	17/11/1981	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744576	194131748
59	cb18k10_061	Phạm Thị	Thanh	29/01/1973	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744577	194031502
60	cb18k10_062	Ngô Viết	Thắng	03/09/1989	Quảng Bình	7,9	8,5	Đậu	744578	194341742
61	cb18k10_063	Phạm Xuân	Thích	12/11/1991	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu	744579	194460006
62	cb18k10_064	Vũ Hải	Thoại	15/03/1982	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu	744580	030082010487
63	cb18k10_065	Võ Như Giang	Thu	25/05/1987	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744581	194313806
64	cb18k10_066	Lương Thị Bích	Thủy	06/10/1985	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu	744582	044185000777
65	cb18k10_067	Nguyễn Thị	Thủy	15/09/1987	Quảng Bình	9,6	8,5	Đậu	744583	044187001953
66	cb18k10_068	Trần Thị	Thủy	24/07/1973	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744584	194141568
67	cb18k10_069	Võ Ngọc	Thực	20/12/1981	Quảng Bình	6,7	9,0	Đậu	744585	044081000641
68	cb18k10_070	Nguyễn Thị Hoài	Thương	03/08/1983	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744586	194199068
69	cb18k10_071	Nguyễn Thị	Trang	01/12/1993	Quảng Bình	5,8	8,5	Đậu	744587	044193000327
70	cb18k10_072	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	24/02/1991	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744588	04419100039
71	cb18k10_073	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	24/06/1993	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	744589	194544199
72	cb18k10_074	Trần Thị Thùy	Trang	02/12/1991	Quảng Bình	8,8	9,0	Đậu	744590	045191000105
73	cb18k10_075	Trần Quang	Trung	25/08/1980	Quảng Bình	9,2	8,5	Đậu	744591	194128983
74	cb18k10_076	Hoàng Thị Thanh	Trường	25/02/1975	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744592	044175000891
75	cb18k10_077	Nguyễn Thị	Vân	29/07/1983	Quảng Bình	9,2	8,5	Đậu	744593	044183001181
76	cb18k10_078	Bùi Vũ	Vì	08/06/1987	Thừa Thiên Huế	5,4	8,0	Đậu	744594	191640230
77	cb18k10_079	Hoàng Thị	Viên	20/10/1976	Quảng Bình	5,8	8,0	Đậu	744595	194104016
78	cb18k10_080	Nguyễn Văn	Vỹ	02/02/1979	Quảng Bình	5,8	9,0	Đậu	744596	194055016

(Ấn định danh sách này gồm 78 thí sinh)